

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2021.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Thắm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2021, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 02/4/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 01/2021/TB-TA ngày 20/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Ngô Bá A sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Phan Huy H sinh năm 1964; bà Đào Thị T sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bà Vũ Thị M sinh năm 1961; ông Ngô Bá N sinh năm 1964 - địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các bên đương sự đều trình bày: Chị H và anh A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày

13/7/2010; quá trình chung sống đến năm 2015 hai bên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết nên từ tháng 01/2015 chị H, anh A sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị H, anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh A đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh A xác định có một con chung là Ngô Thị V. P sinh ngày 26/9/2014, hiện tại anh A nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H và anh A đều có quan điểm giao cháu P cho anh A nuôi dưỡng; chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A là 1.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con tính từ tháng 3/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị H và anh A xác định đối với một người con (chị H dự định đặt tên là Bùi A. T và chưa đăng ký khai sinh) do chị H sinh vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 03/01/2021 theo Giấy chứng sinh số 21000103, quyển số 01, ngày 03/01/2021 do Bệnh viện phụ sản Thái Bình cấp là con riêng của chị H; chị H tự nhận nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị H và anh A không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông H, bà T (bố mẹ chị H) và bà M, ông N (mẹ đẻ và chú của anh A) đề nghị giải quyết cho hai bên đương sự ly hôn; giao cháu P cho anh A nuôi dưỡng. Đối với một người con do chị H sinh vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 03/01/2021 (theo Giấy chứng sinh do Bệnh viện phụ sản Thái Bình cấp) là con riêng của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh A đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chị H ly hôn anh A; giao cháu P cho anh A nuôi dưỡng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng. Xác định cháu Bùi A.T sinh ngày 03/01/2021 là con riêng của chị H và giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H, anh A đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Chị H và anh A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào năm 2010 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị H, anh A chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân từ năm 2015 tới nay, không còn quan tâm tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị H ly hôn anh A.

[3]. Về con chung: Xác định chị H và anh A có một con chung là Ngô Thị V.P sinh ngày 26/9/2014, hiện tại anh A đang nuôi dưỡng; khi ly hôn hai bên đương sự đều có quan điểm giao cháu P cho anh A nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2021. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận quan điểm của các bên đương sự cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử giao cháu P cho anh A nuôi dưỡng; do anh A nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con, nên chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A ở mức 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về con riêng: Căn cứ vào lời khai nhận của hai bên đương sự và kết quả xét nghiệm ADN số 210331.133 ngày 31/3/2021 của Công ty cổ phần công nghệ gen ứng dụng Việt Nam xác định anh A không có quan hệ huyết thống cha con với cháu T. Vì vậy HĐXX xác định cháu Bùi A.T sinh ngày 03/01/2021 theo Giấy chứng sinh số 21000103, quyển số 01, ngày 03/01/2021 do Bệnh viện phụ sản Thái Bình cấp (chị H dự định đặt tên con là Bùi A.T, chưa đăng ký khai sinh) là con riêng của chị H và giao cho chị H nuôi dưỡng.

[5]. Về tài sản, nợ, công sức: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không phải đặt ra để giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 88, 89 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị H ly hôn anh Ngô Bá A.

- Về con chung: Giao con là Ngô Thị V.P sinh ngày 26/9/2014 cho anh Ngô Bá A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Ngô Thị V.P cho anh A là 1.000.000đ (một triệu)/tháng; thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con của chị H kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về con riêng: Xác định cháu Bùi A.T sinh ngày 03/01/2021 theo Giấy chứng sinh số 21000103, quyển số 01, ngày 03/01/2021 do Bệnh viện phụ sản Thái Bình cấp (chị H dự định đặt tên con là Bùi A.T, chưa đăng ký khai sinh) là con riêng của chị H và giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh Ngô Bá A cấp dưỡng tiền nuôi con riêng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003695 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ